TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ Q
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2019/DS-ST
Ngày: 12/9/2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Mai Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Hậu.
2. Ông Lê Khắc Hòa.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Liên – Thẩm tra viênToà án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2019,về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa ngày số 11/2019/QĐST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng chính sách X.

Địa chỉ: Tòa nhà CC5, Bán đảo LĐ, HL, HM, Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn L - Phó giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách X thị xã Q là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 814/QĐ-NHCS ngày 13/4/2010). Có mặt

- *Bị đơn:*Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Khu phố 4, phường 1, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị. (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Đặng Văn K, sinh năm 1956 và anh Đặng Danh N, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khu phố 4, phường 1, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 18/04/2019, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 26/06/2015 Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách X thị xã Q phê duyệt cho vay 20.000.000 đồng đối với bà Nguyễn Thị Thanh T, tiền vay được giải ngân với mục đích vay vốn để chăn nuôi lợn sinh sản. Thời hạn cho vay vay 24 tháng; lãi suất: 6,6%/ năm; lãi suất nợ quá hạn 130% lãi suất cho vay (8,58%/năm).Trong thời gian vay vốn bà T đã trả được số tiền 8.476.388 đồng (Trong đó tiền gốc: 3.915.000 đồng, tiền lãi 4.561.388 đồng).

Qua quá trình kiểm tra sau cho vay, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách X thị xã Q đã phối hợp với chính quyền địa phương, Hội đoàn thể nhận ủy thác và Tổ trưởng tổ tiết kiệm và vay vốn đôn đốc thu hồi nợ đến hạn nhưng bà T không thực hiện trả nợ, trả lãi theo cam kết.

Tính đến ngày 12/9/2019, bà Nguyễn Thị Thanh T còn nợ tổng số tiền: 16.780.717 đồng (Mười sáu triệu bảy trăm tám mươi ngàn bảy trăm mười bảy đồng), trong đó nợ gốc: 16.085.000 đồng, nợ lãi: 695.717 đồng.

Bà Nguyễn Thị Thanh T đã vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng vay vốn. Vì vậy, Ngân hàng chính sách X khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Q buộc bà Nguyễn Thị Thanh T phải trả số tiền gốc còn lại: 16.085.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 12/9/2019 là 695.717 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày 12/9/2019.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và cung cấp thêm bản trình bày ý kiến về khoản tiền nợ gốc và nợ lãi của bà Nguyễn Thị Thanh T tính đến ngày 12/9/2019.

Bà Nguyễn Thị Thanh T là bị đơn, ông Đặng Văn K, anh Đặng Danh N là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Tòa án:

Về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán đảm bảo đúng các quy định tại các Điều 48, 195, 196, 198 từ Điều 203 đến Điều 211, Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi mở phiên tòa.

Về tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 222 đến Điều 261 của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo việc xét xử được khách quan, toàn diện, đúng pháp luật.

Về tuân theo pháp luật tố tụng của Thư ký phiên tòa: Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 51, 236, 239 của Bộ luật tố tụng dân sự như: phổ

biến nội quy phiên tòa; kiểm tra và báo cáo với Hội đồng xét xử danh sách những người được triệu tập đến phiên tòa…

- Về tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Đối với người khởi kiện: Người khởi kiện đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71, 91, 96, 186, từ Điều 188 đến Điều 190, Bộ luật tố tụng dân sự như khởi kiện, cung cấp chứng cứ cho Tòa án để bảo vệ yêu cầu khởi kiện, có mặt đúng thời gian, địa điểm theo giấy triệu tập của Tòa án; Đối với người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Qúa trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 72, 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không tham gia hòa giải và không tham gia phiên tòa là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 73, 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 298, 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng chính sách X buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T phải trả số tiền 16.780.717 đồng. Trong đó nợ gốc 16.085.000 đồng, nợ lãi 695.717 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn thanh toán tiền nợ của Hợp đồng vay vốn với mục đích chăn nuôi lợn sinh sản. Xét đây là tranh chấp phát sinh trong quan hệ hợp đồng vay tài sản của Ngân hàng chính sách X với khách hàng vay với mục đích giải quyết việc làm thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng chính sách X ngày 18/4/2019, tại biên bản xác minh ngày 04/5/2019 bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan hiện có hộ khẩu thường trú tại Khu phố 4, phường 1, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị. Hợp đồng vay tài sản được giao kết và thực hiện tại thị xã Q, tỉnh Quảng Trị. Do đó, theo quy định của điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Q thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về thủ tục tố tụng: Do bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, nên Tòa án không tống đạt trực tiếp được cho bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai văn bản tố tụng, nhưng bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Đặng Văn K, anh Đặng Danh N vắng mặt không đến Tòa tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải được. Bị đơn Nguyễn Thị Thanh T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn K, anh Đặng Danh

N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về áp dụng pháp luật: Ngân hàng chính sách X giải ngân cho bà Nguyễn Thị Thanh T vay tiền vào ngày 26/6/2015. Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự 2015, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định và các điều luật của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

[5] Về nội dung: Thực hiện Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 24/6/2015 về việc phê duyệt dự án vay vốn giải quyết việc việc làm của Ủy ban nhân dân thị xã Q. Ngày 26/6/2015, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách X thị xã Q đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị Thanh T (Mã khách hàng 3200063172, mã món vay 6600000704876726) địa chỉ khu phố 4, phường 1, thị xã Q vay 20.000.000 đồng theo chương trình vay vốn giải quyết việc làm. Thời hạn cho vay 24 tháng, lãi suất cho vay 0,55%/tháng. Bà Nguyễn Thị Thanh T đã ký xác nhận tại Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – thu nợ -dư nợ (Bút lục số 08). Ngân hàng chính sách đã gia hạn nợ cho bà Nguyễn Thị Thanh T, thời hạn trả nợ là 14/6/2018 (Bút lục 10).

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Nguyễn Thị Thanh T là người đại diện của hộ gia đình thực hiện việc vay vốn tại Ngân hàng chính sách X thể hiện thông qua Sổ vay vốn (BL 07) và Giấy ủy quyền (BL09). Việc ủy quyền là có căn cứ pháp luật (Điều 107 BLDS năm 2005), do đó ông Đặng Văn K và anh Đặng Danh N phải có trách nhiệm liên đới trả nợ đối với khoản vay do bà Nguyễn Thị Thanh T xác lập (Điều 110 BLDS năm 2005). Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Thanh T đã thực hiện các nghĩa vụ trả gốc và lãi cho Ngân hàng chính sách X đến ngày 14/3/2019. Tại phiên tòa Ngân hàng chính sách X chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh T thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ gốc và lãi còn lại. Yêu cầu của Ngân hàng chính sách X là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật, cần chấp nhận (Điều 298 BLDS năm 2005).

Đối với khoản nợ gốc: Theo thỏa thuận tại Sổ lưu tờ rời theo dõi vay – thu nợ - dư nợ (Bút lục số 08). Giấy đề nghị gia hạn nợ (Bút lục 10), bị đơn phải trả số tiền gốc và lãi, hạn cuối đến ngày 14/6/2018; đến ngày 14/3/2019 phía bị đơn mới thanh toán được 3.915.000 đồng tiền gốc và từ đó đến nay bị đơn không thực hiện việc thanh toán số tiền còn lại cho Ngân hàng chính sách X, như vậy phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền (Điều 290 BLDS 2005). Số tiền gốc còn lại tính đến ngày 14/3/2019, bà T phải thanh toán cho Ngân hàng chính sách X là 16.085.000 đồng. Đối chiếu với Thẻ theo dõi giao dịch tiền vay của chi nhánh Ngân hàng chính sách X thị xã Q, yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp, do đó Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị Thanh T phải thanh toán cho Chi nhánh Ngân chính sách xã hội số tiền gốc còn lại là 16.085.000 đồng.

Đối với khoản nợ lãi: Theo đơn khởi kiện, bản trình bày ý kiến và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày, ngày 26/6/2015 Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách X thị xã Q đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị Thanh T vay 20.000.000 đồng theo chương trình vay vốn giải quyết việc làm. Thời hạn cho vay 24 tháng, lãi suất cho vay 0,55%/tháng, lãi suất quá hạn 8,58%/năm. Trong qúa trình thực hiện vay vốn bà Nguyễn Thị Thanh T đã thanh toán được số tiền lãi tính đến ngày 14/3/2019 là 4.561.388 đồng. Do bị đơn không thanh toán nên nguyên đơn đã chuyển nợ gốc sang nợ quá hạn. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 12/9/2019 tổng số tiền nợ lãi là 695.717 đồng (từ ngày 15/3/2019 đến ngày 12/9/2019). Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của nguyên đơn phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cần chấp nhận.

Như vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền gốc 16.085.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 15/3/2019 đến ngày xét xử (12/9/2019) là 695.717 đồng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 298, Điều 471, Điều 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng chính sách X

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách X số tiền 16.780.717đồng (Mười sáu triệu bảy trăm tám mươi ngàn bảy trăm mười bảy đồng). Trong đó nợ gốc 16.085.000 đồng (Mười sáu triệu không trăm tám mươi lăm ngàn đồng), tiền nợ lãi 695.717 đồng (Sáu trăm chín mươi lăm ngàn bảy trăm mười bảy đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Thanh T còn phải tiếp tục chịu tiền lãi trên số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 cho đến khi thanh toán xong khoản vay.

2.Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 839.035đồng (Tám trăm ba mươi chín ngàn không trăm mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND thị xã Q;
- Chi cục THADS thị xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Mai Thị Thu Hà